

Biến đổi văn hóa của người Raglai trong xã hội hiện đại (Dưới tác động của giao thoa văn hóa, tôn giáo và truyền thông)

Nguyễn Trần Bảo Trinh

Trường Đại học Thái Bình Dương

Email: trINH.ntb@tbd.edu.vn

Ngày nhận bài: 04/04/2025; Ngày sửa bài: 18/06/2025; Ngày duyệt đăng: 02/07/2025

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu quá trình biến đổi văn hóa của người Raglai trong xã hội hiện đại từ 1975 đến nay, tại các huyện miền núi thuộc các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận - nơi tập trung người Raglai sinh sống. Nghiên cứu sử dụng hướng tiếp cận liên ngành với phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp vận dụng lý thuyết tiếp biến văn hóa, hiện đại hóa và lựa chọn duy lý. Cơ sở dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát thực địa trong giai đoạn 2019-2025. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự giao thoa văn hóa với người Kinh thúc đẩy các hình thái văn hóa theo hướng hiện đại nhưng cũng đặt ra các nguy cơ mai một các giá trị văn hoá truyền thống; sự gia tăng các thực hành tôn giáo mới góp phần làm suy giảm hệ thống tín ngưỡng truyền thống; truyền thông đại chúng giúp thay đổi nhận thức theo hướng hiện đại song cũng đe dọa ngôn ngữ và tri thức bản địa. Ba yếu tố này vừa tạo điều kiện cho người Raglai thích nghi xã hội hiện đại, vừa đặt ra những thách thức lớn đối với việc bảo tồn văn hóa truyền thống của cộng đồng.

Từ khóa: *biến đổi văn hóa, giao thoa văn hóa, người Raglai*

Cultural Transformation of the Raglai people in Contemporary Context (Under the Influence of Acculturation, Religion, and Mass Media)

Nguyen Tran Bao Trinh

Thai Binh Duong University

Correspondence: trINH.ntb@tbd.edu.vn

Received: 04/04/2025; Revised: 18/06/2025; Accepted: 02/07/2025

Abstract

This study examines the cultural transformation of the Raglai ethnic minority from 1975 to the present, with a focus on communities residing in the mountainous districts of Khánh Hòa, Ninh Thuận, and Bình Thuận. This study utilizes an interdisciplinary approach and qualitative methods, integrating theories of acculturation, modernization, and rational choice. Data was collected through fieldwork between 2019 and 2025. The findings reveal that cultural interaction with the Kinh people have fostered the emergence of modern cultural expression while simultaneously challenging the preservation of traditional Raglai values. The proliferation of new religious practices has contributed to the decline of indigenous belief systems. Meanwhile, mass media has significantly influenced local worldviews, promoting modernity but also threatens the survival of the Raglai language and indigenous knowledge. These factors both facilitate the adaptive capacity of the Raglai people to contemporary society and present significant challenges to the preservation of their cultural heritage.

Keywords: *acculturation, cultural transformation, Raglai ethnic group*

1. Đặt vấn đề

Raglai là dân tộc bản địa sinh sống lâu đời ở các tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận với các giá trị văn hóa mang nhiều giá trị đặc trưng; thể hiện qua ngôn ngữ, trang phục, nhà ở, nghệ thuật, nghi lễ truyền thống,... Theo thời gian, văn hóa của người Raglai ngày càng đổi mới với nhiều tác động từ các yếu tố bên ngoài cũng như bên trong cộng đồng và biến đổi theo nhiều chiều hướng khác nhau. Có thể nói, quá trình biến đổi văn hóa của người Raglai bắt đầu từ năm 1975 đến nay với các biến chuyển sâu sắc của bối cảnh chính trị - kinh tế - xã hội. Kể từ khi người Raglai chuyển dời khu vực sinh sống tách biệt trên núi cao để cận cư cùng người Kinh, cũng là lúc các tôn giáo trở thành một phần trong đời sống tinh thần của một bộ phận người Raglai, đồng thời với quá trình tiếp cận phương tiện truyền thông đại chúng ngày càng sâu rộng. Vấn đề biến đổi văn hóa của người Raglai đã từng được đề cập trong một số công trình nghiên cứu. Nguyễn Tuấn Triết (1991) đã khắc họa bức tranh tổng thể về cấu trúc kinh tế, xã hội, văn hóa truyền thống của người Raglai, và nhấn mạnh rằng mỗi yếu tố văn hóa đều phản ánh mức độ tiếp xúc và ảnh hưởng giữa các tộc người, đồng thời cũng đề cập đến các biến đổi xã hội của người Raglai từ sau Cách mạng Tháng Tám đến trước thời kỳ Đổi mới (1986). Phan Quốc Anh (2007) tiếp tục bổ sung thêm các mô tả về văn hóa truyền thống, bao gồm lễ hội, trò chơi dân gian, ẩm thực, nhà mồ, nghề thủ công,... đồng thời ghi nhận sự giao lưu, biến đổi văn hóa Raglai qua các giai đoạn, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Vũ Đình Mười và cộng sự (2015) lại tiếp cận từ khía cạnh kinh tế - xã hội, cho thấy sự thay đổi của người Raglai trong giao lưu văn hóa với người

Chăm và người Kinh tại xã Sơn Hiệp (Khánh Hòa). Đáng chú ý, Nguyễn Thị Tuyết Hạnh (2019) đã nhấn mạnh vai trò của các yếu tố tự nhiên, xã hội đến sự biến đổi văn hóa Raglai. Các công trình trên chủ yếu dừng lại ở mô tả biến đổi văn hóa một cách tổng quát hoặc theo giai đoạn lịch sử. Việc phân tích sâu các yếu tố tác động cụ thể, như giao thoa văn hóa, ảnh hưởng của các tôn giáo mới, hay tác động ngày càng mạnh mẽ của truyền thông đại chúng đến văn hóa truyền thống Raglai vẫn chưa được khai thác đầy đủ và hệ thống.

Từ năm 1975 đến nay, người Raglai ngày càng tiếp cận gần hơn với cộng đồng người Kinh, với quá trình đô thị hóa và sự phát triển mạnh mẽ của các phương tiện truyền thông số, các yếu tố này đang đặt ra nhiều thách thức và cũng tạo ra những thay đổi sâu sắc trong bản sắc văn hóa của người Raglai.

Với cách tiếp cận đó, bài viết này tập trung phân tích các yếu tố sau: (1) Biến đổi văn hóa của người Raglai dưới tác động của giao thoa văn hóa; (2) Tác động của tôn giáo đến sự biến đổi tín ngưỡng truyền thống của người Raglai; (3) Tác động của truyền thông đến biến đổi văn hóa của người Raglai; (4) Dự báo xu hướng biến đổi văn hóa của người Raglai dưới tác động của giao thoa văn hóa, tôn giáo và truyền thông.

2. Phương pháp nghiên cứu

Về không gian, nghiên cứu khảo sát các địa phương tập trung đông người Raglai sinh sống lâu đời gồm Khánh Vĩnh, Khánh Sơn (Khánh Hòa); Thuận Bắc, Bắc Ái (Ninh Thuận); Bắc Bình (Bình Thuận), cùng một số địa phương như Cam Thịnh Tây, Cam Phước Đông (Cam Ranh, Khánh Hòa); Ma Nới (Ninh Sơn, Ninh Thuận). Về thời gian, nghiên cứu tập trung phân tích tài liệu từ năm 1975 đến nay, với dữ liệu thực

địa thu thập từ 2019-2025, nhằm so sánh mức độ tác động của các yếu tố và dự báo xu hướng biến đổi văn hoá ứng xử Raglai trong thời gian tới.

Lỗi tiếp cận liên ngành kết nối các nền tảng lý thuyết nhằm khám phá biến đổi văn hóa của người Raglai. Lý thuyết tiếp biến văn hóa xem xét ảnh hưởng từ người Kinh cũng như các cộng đồng lân cận đến hành vi ứng xử của người Raglai qua quá trình giao thoa lịch sử lâu dài. Lý thuyết hiện đại hóa tập trung đánh giá tác động của các cấu trúc xã hội mới lên sự thay đổi văn hóa. Các lý thuyết này không gắn với từng vấn đề riêng rẽ mà tương hỗ lẫn nhau. Mỗi quan hệ không thể tách rời giữa môi trường sống với văn hóa của người Raglai chịu ảnh hưởng của quá trình tiếp biến văn hóa và các lựa chọn duy lý, cho thấy sự biến đổi của hệ thống văn hóa như hệ quả của quá trình giao lưu văn hóa giữa người Raglai và các dân tộc khác, nhất là người Kinh, gắn với sự xuất hiện của tôn giáo và truyền thống đại chúng. Nghiên cứu này nhìn sự biến đổi văn hóa của người Raglai theo lát cắt đồng đại nhưng cũng không tách rời các vấn đề môi trường tự nhiên và xã hội ngày nay.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính như phân tích và so sánh tài liệu khoa học; điền dã, phỏng vấn sâu, quan sát tham dự, phân tích tường thuật. Đối tượng khảo sát là: (i) nhóm người Raglai tại địa bàn nghiên cứu với cơ cấu độ tuổi, giới tính và vị trí xã hội khác nhau bao gồm người già trên 60 tuổi, người trong độ tuổi từ 30-60 tuổi, người trong độ tuổi từ 18-30 tuổi; cơ cấu giới tính đồng đều nam và nữ, vị trí xã hội đa dạng gồm: già làng, trưởng thôn, người có uy tín, nông dân, nội trợ, công nhân, sinh viên, công chức; (ii) nhóm các nhà quản lý nhà nước tại địa bàn nghiên cứu gồm các bí thư, chủ tịch xã, cán bộ trung

tâm văn hóa huyện, chủ tịch mặt trận, hội phụ nữ; (iii) nhóm các chuyên gia văn hóa, lịch sử, môi trường gồm các nghệ nhân, nhà nghiên cứu văn hóa, lịch sử dân tộc Raglai và các dân tộc khác.

3. Kết quả và Thảo luận

3.1. Biến đổi văn hóa của người Raglai dưới tác động của giao thoa văn hóa

Quá trình giao thoa văn hoá tác động trực diện và sâu sắc tới văn hoá của người Raglai cho tới ngày nay là quá trình cận cư và chịu ảnh hưởng của người Kinh. Tuy người Raglai và người Chăm có câu tục ngữ *Cham sa-ai Raglai adei* (Chăm là chị cả, Raglai là em gái út) nhưng mối quan hệ khấn khít giữa hai dân tộc này chỉ tồn tại trong những dấu vết xa xưa qua truyện cổ và sự tương đồng trong tín ngưỡng và nghi lễ truyền thống; trong khi đó, sự hiện diện của văn hoá Kinh bên cạnh người Raglai từ năm 1975 đến nay cho thấy các tác động sâu sắc đến người Raglai. Tài liệu thứ cấp và kết quả phỏng vấn người già Raglai ở các địa phương đều cho thấy trước năm 1975, người Raglai sống tách biệt ở các vùng núi cao giáp ranh các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Bình Thuận. Trong ký ức của nhiều người cao tuổi Raglai, địa bàn cư trú truyền thống của họ chủ yếu là các khu vực núi cao thuộc vùng giáp ranh giữa các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng và Bình Thuận. Đây là những khu vực có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt nhưng giàu tài nguyên rừng, tạo nên không gian sinh tồn biệt lập, hầu như không có sự giao lưu với cộng đồng người Kinh ở vùng đồng bằng. Thông tin này cũng được phản ánh trong một số tài liệu trước năm 1975. Chẳng hạn, theo thống kê của Hội đồng các sắc tộc năm 1969 về thành phần dân tộc ở Tây Nguyên, người Raglai cư trú chủ yếu ở vùng thượng du các tỉnh Khánh Hòa, Ninh

Thuận, Bình Thuận (Nguyễn Trắc Dĩ, 1972: 85). Điều này cũng phù hợp với những lời kể của cư dân Raglai hiện nay. Anh K.H. ở xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn (Ninh Thuận) cho biết: “*Xa xưa đã ở đây rồi. Trước giải phóng thì ở cao hơn, trên thôn Cà Mau trên tuyến đường đi Tà Năng nhưng cũng là vùng này thôi*”. Ông C.Đ. ở xã Khánh Thành, huyện Khánh Vĩnh (Khánh Hòa) chia sẻ: “*Thời chống Mỹ còn ở giáp Khánh Sơn bây giờ, chỉ có người Raglai thôi*”. Tương tự, ông C.M.E. ở xã Liên Sang cho biết: “*Trước năm 1976 thì làng mình ở núi cao trên phía Lâm Đồng, chỗ khu vực chòi canh lửa trên đèo Khánh Lê bây giờ. Đến năm 76 thì cả làng xuống đây*” Tại xã Ba Cụt Bắc, huyện Khánh Sơn, ông M.Q.N. cũng khẳng định rằng vào những năm 1980, người Raglai sống phân tán khắp lưng chừng núi, không tập trung thành các cụm cư dân rõ ràng như hiện nay. Từ năm 1955, chính quyền Việt Nam Cộng hòa tăng cường dồn dân vào ấp chiến lược, trong đó có các vùng đồng bào dân tộc Raglai trên núi cao lúc bấy giờ. “*Chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện công cuộc định canh, định cư cho đồng bào Thượng, nhưng do tình trạng thiếu đất, cuộc sống tù túng, trái với phong tục tập quán truyền thống nên đồng bào bỏ các nơi định cư về quê cũ*” (Nguyễn Văn Tiệp, 2020: 93). Sau năm 1975, Nhà nước vận động nhân dân Raglai rời địa bàn cư trú ở các khu vực núi cao xuống các vùng dưới chân núi hoặc đồng bằng để thực hiện chính sách định canh định cư, phát triển kinh tế - văn hóa cho bà con. Cùng với đó là chính sách lập làng kinh tế mới, đưa người Kinh đến vùng đồng bào Raglai, bắt đầu quá trình cận cư lâu dài và bền chặt cho tới ngày nay. Những giao thoa đầu tiên bắt đầu bằng việc trao đổi hàng hoá với người Kinh, ban đầu chủ yếu thực hiện hàng đổi

hàng như đổi bắp, đậu, lúa, khoai, heo, gà, trâu bò lấy mắm, muối, cá khô; sau thì đổi vải mặc, xe đạp, radio,...sau giải phóng, bước đầu đã hình thành nên mạng lưới nhỏ để trao đổi giữa người Raglai với người Kinh, người Chăm ở đồng bằng (Phan Xuân Biên và cộng sự, 1998: 99). Như vậy, quá trình giao thoa văn hoá với người Kinh từ 1975 cũng chính là cơ sở ban đầu để người Raglai tiếp cận các lối tư duy mới, các hình thái văn hoá vật chất và tinh thần mới. Sự giao thoa này diễn ra một cách tự nhiên khi người Raglai thích nghi với những điều kiện sống mới.

Theo thời gian, sự giao thoa văn hoá giữa hai dân tộc càng trở nên sâu sắc hơn trên nhiều lĩnh vực đời sống. Ngày nay, đến các địa bàn tập trung người Raglai sinh sống, không khó thấy các gia đình có vợ chồng là người Raglai và người Kinh. Người Raglai cũng mặc trang phục như người Kinh, đi học và giao tiếp hằng ngày bằng tiếng Kinh (tiếng phổ thông), thực hành các nghi lễ cưới xin, tang ma theo kiểu người Kinh. Theo các tài liệu, trước đây nam giới người Raglai đều mặc khố hoặc quần đùi, ở trần, búi tóc, trên đầu có lược sừng hoặc lược bằng ống lồ ô, ống tre. Nam giới đã lập gia đình đều dùng khăn quấn đầu màu trắng ngà, có nhiều sọc màu chạy dọc theo khăn (Nguyễn Trắc Dĩ, 1972: 85). Phụ nữ Raglai thường để ngực trần, mặc váy vò cây, tóc xõa (Hải Liên, 2011: 15). Kết quả phỏng vấn người già Raglai cho thấy, đến năm 1975, trang phục của người phụ nữ Raglai gồm áo (*au kuang*), áo lót trong (*iêm*), chăn (*ka - chirêh*). Kiểu áo có cổ hơi tròn và vạt áo chỉ dài vừa qua rốn, phần trên từ ngực trở lên màu trắng, phần dưới từ ngực xuống màu đen. Tay áo được chia thành ba đoạn, xen kẽ giữa hai màu này. Váy thường là màu đen, đôi khi thay bằng

xanh đậm nhưng hiếm thấy. Áo của nam giới cũng là áo khoang, nhưng màu sắc được phối khác, với nhiều vòng đen trắng đan xen từ dưới lên trên, không chia đôi như áo phụ nữ. Ngày nay chỉ có một số ít người Raglai còn mặc trang phục truyền thống trong các nghi lễ quan trọng của gia đình, nhưng cũng không bắt buộc như một quy tắc khắt khe.

Các nghi lễ vòng đời người và hội hè hiện nay cũng kết hợp thực hiện các nghi lễ theo truyền thống ông bà và theo kiểu người Kinh. Ở lễ cưới, ngoài phần nghi lễ cưới xin, họ còn tổ chức tiệc chiêu đãi khách sau hôn lễ như người Kinh, với cỗ bàn, nhạc sống hát những bài hát của người Kinh. Cô dâu mặc đầm cưới, chú rể mặc veston. Khách dự tiệc chúc mừng bằng phong thư tiền mặt. Đây là một lựa chọn vừa thực dụng vừa tiện lợi so với việc chuẩn bị quà cưới như trước đây. Với số tiền mừng, cặp đôi mới cưới có thể trang trải chi phí đám cưới, sắm sửa vật dụng và có vốn làm ăn khi bước vào cuộc sống hôn nhân. Các nghi lễ khác như lễ bỏ mả, đám tang, khách đến dự có thể đem theo can rượu, con gà, đùi heo hoặc phong thư tiền mặt để gửi cho chủ nhà. Nếu như theo tín ngưỡng truyền thống Raglai, sau khi làm lễ bỏ mả thì người đã mất sẽ về với thế giới ông bà vĩnh hằng, đó là thời điểm chia tay vĩnh viễn với con cháu nên không còn cúng kính nữa. Nhưng ngày nay người Raglai làm các phong tục cho người mất giống người Kinh. Ông M.T ở Phan Điền cho biết: *“Mỗi năm sau lễ bỏ mả, theo dân tộc Raglai thì coi như xong xuôi rồi nhưng mình làm giống người Kinh, cũng giữ di ảnh trong nhà, đi giầy mả, đốt đồ vàng mã vào dịp Tết Nguyên Đán”* Lễ báo hiếu ở các địa phương như Cam Ranh, Bắc Bình thì biến đổi như một buổi liên hoan gia đình để cảm ơn cha mẹ, không còn các nghi

thức truyền thống như vùng khác. Lễ trưởng thành (lễ cúng tuổi mới) đã được gọi như kiểu người Kinh là lễ sinh nhật với cỗ bàn đặt sẵn từ nơi cung cấp dịch vụ.

Dữ liệu từ thực địa cho thấy rằng các địa phương như Bắc Ái, Khánh Sơn, Ma Nới, nơi người Raglai cư trú ổn định trên núi từ trước, có ít biến đổi văn hóa hơn so với các khu vực có sự di dân và cận cư với người Kinh. Trong khi đó, ở những vùng như Cam Ranh, Bắc Bình hay Thuận Bắc, nơi người Raglai di chuyển xuống vùng đồng bằng, sự giao thoa văn hóa với người Kinh diễn ra mạnh mẽ hơn, kéo theo những biến đổi đáng kể trong đời sống văn hóa - xã hội. Chẳng hạn, người Raglai ở Cam Ranh có thêm nghề biển, trong khi ở xã Phan Điền, người Raglai sống bằng nghề trồng lúa nước và cư trú trong những ngôi nhà vách đất giữa đồng ruộng, thay vì nhà sàn truyền thống.

Có thể nói, bản chất của sự cận cư với người Kinh đối với tổ chức xã hội Raglai chính là sự biến đổi từ môi trường sống nông thôn miền núi tách biệt sang môi trường nông thôn mới hiện đại hóa và dễ dàng tiếp xúc với văn hóa đại chúng. Tuy vậy, vì người Raglai đã gắn bó lâu đời trong nội tộc ở vùng sâu vùng xa, cận cư với người Kinh khi mức độ đô thị hóa chưa sâu sắc nên các biến đổi trên chính là những trạng thái mới trong văn hóa hiện nay. Với bản sắc hoà nhã, chuộng sự tiện lợi, người Raglai đã chung sống ôn hoà với người Kinh và đón nhận các thực hành văn hoá mới một cách linh hoạt, đúng như bản sắc văn hoá ứng xử Raglai đã định hình qua bao thế hệ.

Tuy vậy, hệ quả từ giao thoa văn hoá với người Kinh cũng đặt ra nhiều vấn đề với việc bảo tồn văn hoá truyền thống Raglai khi ngôn ngữ, trang phục, nhà ở, nghệ thuật

và nghi lễ truyền thống đang dần biến mất. Có thể nói, sự giao lưu văn hóa với người Kinh không chỉ là sự giao thoa tự nhiên giữa hai dân tộc sống gần nhau, đan xen nhau mà còn diễn ra sự mất cân bằng về vị thế văn hóa. Trong quan hệ đó, người Raglai không chỉ sống chung với một dân tộc đa số mà còn chịu ảnh hưởng bởi hệ thống chính sách dân tộc, đặc biệt là chính sách giáo dục bằng tiếng phổ thông (tiếng Việt). Trong đó, tiếng Việt có chữ viết còn tiếng Raglai thì chưa có bộ chữ viết thống nhất hoàn chỉnh được ban hành. Chỉ có tỉnh Ninh Thuận đưa nội dung biên soạn tiếng Raglai vào các đề án phát triển văn hóa và giáo dục với tài liệu “Bồi dưỡng tiếng Raglai dành cho cán bộ, công chức, viên chức công tác vùng miền núi, vùng dân tộc Raglai”, chương trình dạy thí điểm tiếng Raglai từ năm học 2020-2021 ở cấp tiểu học tại huyện Bác Ái. Việc dạy học bằng tiếng Việt có thể làm gia tăng thêm khoảng cách về vị thế giữa hai ngôn ngữ, hai tộc người. Diễn ngôn “tiếng phổ thông” mang khung tri thức về ngôn ngữ mang tính phổ quát, đại diện, chuẩn mực. Từ đó, các nỗ lực lưu giữ văn hóa truyền thống Raglai cũng được thực hiện thông qua diễn ngôn và hệ thống chữ viết phổ thông. Kết quả phỏng vấn cho thấy người Raglai chủ động dạy con đọc và nói tiếng Việt trước khi vào lớp một để không thua kém bạn bè. Học sinh Raglai nếu không nắm bắt hoặc diễn đạt được nội dung bằng tiếng Việt sẽ cảm thấy thua kém, xấu hổ mà bỏ học. Tâm thế khiêm nhường, né tránh xung đột khiến người Raglai ít có xu hướng khẳng định mạnh mẽ bản sắc văn hóa của mình trước các nền văn hóa khác, đặc biệt là văn hóa của người Kinh. Họ thường điều chỉnh ứng xử để hòa nhập, như dạy tiếng Việt cho con trước khi vào lớp một hay tiếp nhận phong cách sống hiện đại qua truyền thông thay vì

bảo vệ triệt để các giá trị truyền thống như ngôn ngữ bản địa hay luật tục. Sự “nhún nhường” này, dù giúp tránh mâu thuẫn xã hội, lại khiến văn hóa Raglai dễ bị lấn át và đồng hóa, đặc biệt ở những khu vực tiếp xúc nhiều với người Kinh, dẫn đến sự phai nhạt của các thực hành như sử dụng tiếng dân tộc, duy trì tín ngưỡng đa thần hay nghi lễ phức tạp. Nếu không có những biện pháp bảo tồn chủ động, văn hóa Raglai có nguy cơ chỉ còn là những trầm tích xa xôi trong ký ức, thay vì một hệ thống sống động và gắn kết như trước năm 1975.

3.2. Tác động của tôn giáo đến sự biến đổi tín ngưỡng truyền thống của người Raglai

Tin Lành và Công giáo là hai tôn giáo có giáo dân đông nhất của dân tộc Raglai (Ủy ban Dân tộc, 2020). Dam Bo (tức Jacques Dournes) có nói về sự hiếu khách của người Raglai, kể về cuộc viếng thăm của một vị linh mục tới một làng (palei) của người Raglai và dân làng đón tiếp rất nhiệt tình (Dam Bo, 1950: 1002-1006). Công giáo và Tin Lành đã được truyền bá đến các palei Raglai từ trước năm 1975. Kỷ yếu giáo phận Nha Trang có đề cập “Bà Râu (cách nói trại của người Kinh từ tiếng Raglai B’rau) là một xứ đạo truyền giáo, được Đức Cha Marcel Piquet Lợi, Giám mục tiên khởi của Giáo phận Nha Trang, thành lập từ năm 1960 và bổ nhiệm linh mục Thừa sai Donatien Béliard (tên tiếng Việt là cố Phước) đến làm quản xứ”. Những giáo xứ đầu tiên là “các thôn Bà Râu và Bà Rom ở Ninh Thuận, thôn Cầu Bà ở Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa” (Sakaya Trương Văn Món, 2014: 110). Các gia đình Raglai theo Tin Lành và Công giáo đều tập trung làm kinh tế, xây dựng gia đình theo nề nếp và tuân thủ các quy định về việc đi lễ nhà thờ dù phải đi hàng chục cây số.

Tỷ lệ người Raglai theo tôn giáo năm 2015 là 17,6% (Bộ Dân tộc và Tôn giáo, 2016). Đến năm 2019 tăng lên 18,77%, trong đó theo Tin Lành chiếm 12,39%, theo Công giáo chiếm 5,49%, theo Phật giáo chiếm 0,84%, theo tôn giáo khác chiếm 0,05% (Ủy ban Dân tộc, 2020). Điều này có thể khiến các thực hành tín ngưỡng truyền thống mai một dần, thay thế bằng các thực hành tôn giáo. Người Raglai theo Tin Lành không uống rượu, không hút thuốc lá, học giáo lý hôn nhân trước khi kết hôn, các nghi lễ vòng đời như đám cưới, đám tang cũng được tổ chức theo những quy định tôn giáo. Người Raglai xã Sơn Thái - Khánh Vĩnh theo đạo Tin Lành tin rằng có được mùa màng là nhờ ơn Chúa, nên sau khi thu hoạch xong mới tổ chức ăn mừng chứ không thực hiện lễ cúng rầy trước khi tria lúa rầy và trồng cây nữa. Điều này khiến các nghi lễ vốn đã không còn được lựa chọn có thể biến mất hẳn. Các nghi thức phức tạp và tốn kém có thể bị bỏ qua hoặc thay thế bằng những hình thức đơn giản hơn, làm giảm đi tính thiêng và ý nghĩa văn hóa nguyên bản của chúng. Sự xâm nhập của giáo lý vào cuộc sống đồng bào đã chi phối mạnh mẽ đến đời sống vật chất và tinh thần của họ. Tổ chức xã hội với những quan hệ ứng xử cũng bị tác động không nhỏ. Dưới góc nhìn của thuyết lựa chọn duy lý, một bộ phận đồng bào Raglai đã lựa chọn thực hành tôn giáo thay cho những tín ngưỡng truyền thống để đạt những lợi ích trong đời sống tinh thần lẫn vật chất của mình. Khi hỏi người Raglai lý do theo đạo, đa số họ đều cho rằng vì đạo chỉ thờ một Chúa thôi, nghi lễ rõ ràng mà vẫn có ý nghĩa, biết làm điều thiện, đỡ áp lực với quá nhiều nghi lễ trong truyền thống. Họ vẫn nhớ ông bà tổ tiên theo truyền thống nhưng chọn thực hành tôn giáo với hệ thống nghi lễ rõ ràng, tinh gọn hơn.

Hơn nữa, các tôn giáo cũng thống nhất với giá trị cốt lõi của văn hóa ứng xử Raglai ở chỗ chuộng tính hài hòa, chân thật. Bên cạnh đó, người Raglai còn lựa chọn niềm tin ở người linh mục đứng đầu giáo xứ. Hình ảnh người linh mục gần gũi, chăm lo cho bà con, có hiểu biết về truyền thống của bà con lẫn biết nhiều thứ khác, biết cả tiếng Anh, khiến cho bà con củng cố niềm tin duy lý vào việc lựa chọn các tôn giáo này.

Vì có đạo, quan hệ xã hội của người Raglai cũng được mở rộng, hình thành lối ứng xử với không gian xã hội mới là cộng đồng giáo dân. Chị C.T.M.Đ ở xã Sơn Thái, Khánh Vĩnh cho biết: *“Cuối tuần thì đi lễ nhà thờ, con cháu có thêm bạn bè ở nhà thờ vui lắm. Mình cũng biết thêm nhiều người có đạo như mình từ thôn khác, xã khác tới”*. Như vậy, các tôn giáo có ý nghĩa trong việc nâng cao đời sống tinh thần của người Raglai khi văn hóa ứng xử với môi trường xã hội mở rộng thêm địa hạt tới các mối quan hệ giữa những người trong giáo xứ. Tuy nhiên, nó cũng làm biến đổi văn hóa ứng xử Raglai khi đánh mất các thực hành tín ngưỡng truyền thống cũng như nguy cơ bị ảnh hưởng tiêu cực từ các tư tưởng phản động của tà đạo có thể xâm nhập vào đời sống bà con.

3.3. Tác động của yếu tố truyền thông đến biến đổi văn hoá của người Raglai

Cùng với sự cộng cư chặt chẽ với người Kinh là sự tiếp cận với các phương tiện truyền thông đại chúng ngày càng sâu rộng trong văn hóa Raglai. Năm 2019, tỷ lệ người Raglai có sử dụng các trang thiết bị tiếp cận thông tin như truyền hình (chiếm 81,8%), đài (chiếm 5,1%), máy vi tính (chiếm 2%), điện thoại (chiếm 72,7%) (Ủy ban Dân tộc, 2020). Điều này đã làm thay đổi cách thức người Raglai tương tác với môi trường xã hội và tự nhiên. Truyền thông

đại chúng, bao gồm radio, truyền hình và gần đây nhất là internet, đã góp phần định hình nhận thức của thế hệ trẻ Raglai, khi họ tiếp cận với các giá trị duy lý và phong cách sống hiện đại. Thế hệ trẻ Raglai, đặc biệt là những người dưới 30 tuổi đang lớn lên và định hình bản sắc cá nhân trong một bối cảnh xã hội đầy biến động, nơi truyền thông hiện đại không chỉ là phương tiện giao tiếp mà còn là tác nhân quan trọng làm thay đổi sâu sắc mối quan hệ của họ với văn hóa truyền thống. Không còn sống biệt lập trong không gian núi rừng như cha ông, thế hệ này thường xuyên di chuyển, học tập, làm việc trong các môi trường đa dạng như thành phố, khu công nghiệp, hoặc cơ quan hành chính. Chính sự tiếp xúc liên tục với truyền thông đại chúng như truyền hình, internet, mạng xã hội đã định hình lại hệ giá trị, hành vi và thẩm mỹ của họ. Truyền thông góp phần định hình lối sống của người trẻ Raglai không chỉ bằng nội dung họ tiếp cận, mà còn qua cách họ sử dụng công nghệ để biểu đạt bản thân và tương tác với cộng đồng. Những giá trị cốt lõi của văn hóa Raglai như tín ngưỡng tổ tiên, sự gắn kết cộng đồng, lòng kính trọng thiên nhiên vẫn được thế hệ này nhắc đến với niềm tự hào. Tuy nhiên, việc thực hành những giá trị ấy đã dần mang tính tượng trưng hoặc nghi lễ hơn là sống động và thường nhật. Quan sát bốn nghi lễ cộng đồng của người Raglai bao gồm lễ bỏ mả tại xã Phước Chiển, lễ ăn mừng đầu lúa mới tại xã Phan Lâm, lễ tang tại xã Phước Chính, lễ cưới tại xã Phước Trung, dễ thấy người trẻ hiếm khi hiện diện xuyên suốt. Họ chỉ xuất hiện khi được gọi tên, thực hiện nghi thức theo chỉ dẫn rồi nhanh chóng quay lại với điện thoại, mạng xã hội, và những cuộc trò chuyện phi lễ nghi. Truyền thông hiện đại, đặc biệt là mạng xã hội, đã mở ra một không gian mới cho người trẻ

Raglai kết nối, học hỏi và thể hiện mình nhưng đồng thời cũng làm mờ ranh giới giữa văn hóa dân tộc và dòng chảy văn hóa đại chúng.

Bên cạnh đó, việc tổ chức lễ cưới của người Raglai với nhạc sống và các bài hát phổ biến của người Kinh cho thấy ảnh hưởng của âm nhạc hiện đại, vốn được lan truyền qua truyền hình và radio, làm thay đổi cách thức thực hiện nghi lễ truyền thống. Bên cạnh đó, sự lan truyền của thời trang và âm nhạc hiện đại qua công nghệ, đặc biệt từ các nền văn hóa đại chúng như Hàn Quốc đã ảnh hưởng đến giới trẻ Raglai, khi họ bắt đầu tiếp nhận các phong cách ăn mặc và thẩm mỹ mới, như trang phục K-pop hoặc các xu hướng thời trang đô thị, thông qua mạng xã hội và truyền hình - một hiện tượng phổ biến ở nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số tại Việt Nam. Sự tiếp cận với giáo dục hiện đại cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ truyền thông, trẻ em Raglai đi học, nói và viết tiếng Việt, tiếp xúc với sách giáo khoa, giáo viên người Việt, từ đó làm suy giảm sự gắn bó với các giá trị truyền thống như sử thi và luật tục. Việc truyền bá thông tin đại chúng bằng ngôn ngữ phổ thông có thể dẫn đến việc giảm giá trị và mất đi ngôn ngữ bản địa. Bên cạnh việc cung cấp thông tin đa chiều, giúp cộng đồng cập nhật kiến thức mới và mở rộng giao tiếp với bên ngoài, việc tiếp nhận thông tin không phù hợp qua các phương tiện truyền thông có thể làm thay đổi chuẩn mực giao tiếp và giá trị cộng đồng truyền thống. Với cách thức đó, nhiều vấn đề văn hóa Raglai có thể bị biến đổi khi nhìn qua hệ thống quan niệm của người Kinh, qua tiếng Việt. Khi đời sống tinh thần trở nên phong phú hơn với các làn gió văn hóa đại chúng và các tôn giáo, một số hủ tục như tục để rừng, tảo hôn không còn phổ biến nữa. Những nghi lễ đã được thực hiện

theo hướng giản tiện hơn mà vẫn giữ được giá trị thiêng liêng. Những tồn tại song song cùng phát huy giá trị của các thành tố văn hóa truyền thống và hiện đại trở thành công cụ quản lý hiệu quả giúp phát triển xã hội Raglai một cách bền vững. Lời dạy con cháu theo lời tổ tiên ông bà vẫn còn đó, già làng và người có uy tín vẫn được quý trọng, các nghi lễ truyền thống quan trọng hầu như chưa bị mất đi, tiếng nói và chữ viết được phổ biến trong trường học. Người Raglai vẫn sống trong những bản sắc văn hóa mà ông bà để lại từ xa xưa.

3.4. Dự báo xu hướng biến đổi văn hoá của người Raglai dưới tác động của giao thoa văn hoá, tôn giáo và truyền thống

Văn hóa của người Raglai ngày nay tiếp tục chịu ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của hiện đại hóa và giao lưu văn hóa, khiến xu hướng đánh mất giá trị văn hóa truyền thống ngày càng gia tăng khi không còn phù hợp với đời sống hiện đại. Các thực hành văn hóa đã biến mất sẽ rất khó được khôi phục trong tương lai, nhất là các phong tục, lễ hội đã biến mất hoặc thay thế hoàn toàn bằng các thực hành tôn giáo hoặc theo kiểu người Kinh. Thực tế cho thấy một số lễ hội truyền thống như lễ báo hiếu, lễ cưới, lễ mừng lúa mới không còn được tổ chức thường xuyên và đầy đủ như trước mà chỉ ở gia đình có người già hoặc có điều kiện kinh tế. Một số gia đình có hoàn cảnh quá khó khăn hoặc con cháu ở xa do phải đi làm ăn thì đều không tổ chức các nghi lễ đó nữa. Hơn nữa, ở một số địa phương, nghi lễ được tổ chức ở cấp độ xã, hoặc cấp độ huyện, thiên về tính trình diễn, phục dựng trong các ngày hội văn hóa như một sinh hoạt cộng đồng. Điều này khiến chúng không còn là truyền thống gắn bó với mỗi gia đình, dòng họ như trước đây. Bên cạnh đó, một số đặc điểm văn hóa ứng xử với môi trường tự

nhiên và môi trường xã hội đang ngày càng ít được thực hành trong đời sống đương đại do phương tiện truyền tải không còn hấp dẫn với lớp trẻ trong bối cảnh giao lưu văn hoá và truyền thông đại chúng hiện nay. Sử thi, luật tục, truyện cổ và lớp từ cổ đang tiếp tục có nguy cơ bị lãng quên. Hiện nay, công tác sưu tầm đang được các nhà khoa học thực hiện nhưng chỉ mới có ý nghĩa về mặt nghiên cứu. Quá trình đồng hóa tự nhiên với văn hóa đại chúng và văn hóa của người Kinh đang làm gia tăng nguy cơ biến mất những yếu tố văn hóa không còn phù hợp với đời sống hiện đại.

Bên cạnh đó, xu hướng duy trì và phát huy giá trị văn hoá truyền thống cũng được thể hiện. Giá trị cốt lõi làm nên bản sắc văn hóa của người Raglai vẫn là sự chân thành, hòa nhã và linh hoạt, thể hiện qua cách họ đối xử trung thực với người thân, cư xử nhẹ nhàng với hàng xóm, và thích nghi linh hoạt với người ngoài cộng đồng. Do đó, những gì đi ngược lại các giá trị này sẽ khó xâm nhập vào văn hóa tộc người dù được truyền tải qua các hình thức hấp dẫn hơn, bởi chúng đã trở thành nền tảng vững chắc, giúp duy trì sự gắn kết chặt chẽ và hòa hợp xã hội trong cộng đồng. Nếu các truyền thống này được phục hồi đồng bộ và bài bản, chúng sẽ không chỉ làm sống lại những giá trị văn hóa truyền thống mà còn tăng cường sự gắn kết cộng đồng, tạo cơ hội cho người Raglai giới thiệu và quảng bá văn hóa độc đáo của mình, góp phần vào sự đa dạng và phong phú của văn hóa Việt Nam.

Xu hướng thứ ba là gia tăng thích nghi với các điều kiện đương đại trong ý thức về việc giữ gìn truyền thống để thực hành văn hóa theo lối mới. Chẳng hạn, lễ cưới Raglai hiện nay có những nghi thức và trang phục như người Kinh khi đãi tiệc, nhưng nghi lễ truyền thống vẫn diễn ra trong trang phục

Raglai. Tương tự, lễ tang có thể sử dụng hình thức an táng hiện đại hơn, nhưng dẫn dắt nghi lễ vẫn do người già và thầy cúng trong dòng họ đảm nhận theo lối truyền thống. Các nghi lễ này không còn được thực hiện hoàn toàn theo phong tục cũ mà kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, vừa giúp người Raglai hòa nhập với xã hội rộng lớn, vừa tạo ra sự đa dạng trong văn hóa ứng xử. Bên cạnh đó, vai trò của các thiết chế pháp luật, tôn giáo, y tế, giáo dục, công nghệ và truyền thông cũng định hình cách người Raglai nhìn nhận mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, giữa truyền thống và hiện đại. Pháp luật hiện đại giúp họ hiểu rõ quyền và nghĩa vụ, tôn giáo củng cố giá trị đạo đức và gắn kết cộng đồng, trong khi các tiến bộ y tế hiện đại cũng cải thiện sức khỏe và chất lượng sống. Đồng thời, giáo dục mở rộng kiến thức và cơ hội cho thế hệ trẻ, truyền thông đại chúng đưa thông tin về thế giới xung quanh, giúp họ nắm bắt những thay đổi xã hội. Các thiết chế này không chỉ hỗ trợ người Raglai hòa nhập vào xã hội dân sự phổ quát mà còn khuyến khích họ duy trì ý thức giữ gìn truyền thống ông bà, tạo nên sự phát triển bền vững trong bối cảnh hiện đại.

Nhìn tổng quan ba xu hướng trên, có thể nói ở người Raglai không xảy ra sự nhiễu loạn giá trị truyền thống và hiện đại. Dù một số giá trị truyền thống có nguy cơ bị lãng quên như đã đề cập, sự loại bỏ cái cũ hay tiếp thu cái mới vẫn diễn ra bình thường, tuy không đồng bộ về mức độ ở các địa phương nhưng không hề có sự hỗn loạn giữa cũ và mới. Người Raglai chuộng sự giản tiện, hài hoà, lại không ràng buộc bởi hệ thống nguyên tắc khắt khe nên có thể có những nhóm không duy trì văn hóa truyền thống nhưng cũng không chối bỏ bản sắc dân tộc mình. Với những lý do chính đáng về điều kiện kinh tế và hoàn cảnh riêng, họ

không bị cộng đồng trừng phạt nếu thực hành theo văn hóa Kinh hoặc văn hóa đại chúng. Giá trị chuẩn mực đạo đức và ứng xử truyền thống vẫn len lỏi trong tâm thức người Raglai, giữ cho những giá trị đạo đức không dễ bị lệch chuẩn, đảo lộn. Quá trình chuyển giao tâm thế giữa các thế hệ Raglai vẫn diễn ra, thể hiện nhu cầu tái khẳng định bản sắc văn hoá của họ, dù còn nhiều khó khăn. Thế hệ ông bà trên 60 tuổi (nhất là già làng, thầy cúng, nghệ nhân) không chỉ là những người giữ gìn di sản văn hóa, mà còn là những người dẫn đường, là nguồn cảm hứng cho cộng đồng. Tâm thế ứng xử của họ là sự kết tinh của lòng tận tụy, niềm tự hào, và tình yêu sâu sắc với cội nguồn. Tuy nhiên, không thể nói rằng truyền thống chỉ mang lại sự mai một. Một số người trẻ đã chủ động biến truyền thống thành công cụ để giữ gìn và tái hiện văn hóa dân tộc. Các fanpage như “Raglai chúng mình” với hơn mười sáu ngàn người theo dõi đã trở thành nơi chia sẻ hình ảnh lễ hội, sản phẩm thủ công truyền thống, thậm chí kể lại những câu chuyện cổ Raglai bằng hình thức hiện đại. Một số bạn trẻ còn quay video, làm triển lãm, hoặc tổ chức các lớp học tiếng Raglai qua mạng để kết nối lại với cội nguồn. Họ trở thành những người kết nối ông bà với thế hệ sau bằng cách đưa di sản truyền thống đi qua không gian số. Truyền thống vừa là yếu tố thúc đẩy sự biến đổi văn hóa Raglai trong thế hệ trẻ, vừa mở ra những khả năng mới cho việc bảo tồn và làm sống lại bản sắc dân tộc. Thế hệ trẻ Raglai không chỉ là những người bị ảnh hưởng bởi dòng chảy văn hóa hiện đại, mà còn là những người chủ động định nghĩa lại vai trò của mình trong việc gìn giữ di sản. Tâm thế ứng xử của họ là sự dung hòa giữa khát vọng hội nhập và trách nhiệm gìn giữ cội nguồn, một biểu hiện rõ rệt của quá trình

chuyển hóa văn hóa trong thời đại truyền thông. Thế hệ giao thoa (30 tuổi - 60 tuổi) là một nhóm đặc biệt trong cộng đồng Raglai, nằm giữa làn ranh của hai thế giới truyền thống và hiện đại. Họ sinh ra và lớn lên trong giai đoạn văn hóa Raglai vẫn còn giữ sự nguyên bản, nhưng cũng là lúc làn sóng hiện đại hóa bắt đầu len lỏi vào các palei. Tuy không mang những trăn trở hay kỳ vọng lớn lao về việc bảo tồn văn hóa như thế hệ ông bà, họ vẫn đóng vai trò quan trọng như một cầu nối, vừa duy trì bản sắc Raglai trong đời sống hàng ngày, vừa mở đường cho thế hệ trẻ hòa nhập với xã hội hiện đại. Tâm thế của họ là sự kết hợp giữa sự trân trọng cội nguồn và tinh thần cởi mở, giúp họ trở thành một mắt xích không thể thiếu trong sự phát triển của cộng đồng Raglai giữa các thế hệ.

4. Kết luận

Dưới tác động của giao thoa văn hóa, tôn giáo và truyền thông từ 1975 đến nay, văn hoá Raglai có những biến đổi sâu sắc. Giao thoa văn hóa với người Kinh thúc đẩy hòa nhập xã hội, nâng cao tri thức và vị thế cá nhân, nhưng làm suy giảm tính tập thể truyền thống và sự gắn bó với các giá trị cổ truyền. Tôn giáo, đặc biệt Tin Lành và Công giáo, định hình lại đời sống tinh thần thông qua xu hướng đơn giản hóa nghi lễ, thay thế tín ngưỡng đa thần bằng thực hành mới, vừa mở rộng mối quan hệ xã hội, vừa khiến các phong tục truyền thống đối mặt nguy cơ mai một. Truyền thông đại chúng, với sự phổ biến của truyền hình, điện thoại và internet, làm thay đổi nhận thức về các vấn đề xã hội và hình thành lối sống hiện đại của người Raglai, song cũng đe dọa ngôn ngữ bản địa cùng chuẩn mực giao tiếp cộng đồng. Ba yếu tố này tạo điều kiện để người Raglai thích nghi với xã hội đương đại, nhưng đồng thời đặt ra thách thức lớn trong việc

bảo tồn bản sắc văn hóa độc đáo. Để phát triển bền vững, cần có chính sách hỗ trợ bảo tồn văn hóa truyền thống của người Raglai, duy trì các nghi lễ truyền thống quan trọng, đồng thời kết hợp hài hòa giữa giá trị hiện đại và cổ truyền trong quá trình hội nhập.

Đạo đức công bố

Tác giả đảm bảo các chuẩn mực chung về đạo đức nghiên cứu và công bố khoa học.

Tài liệu tham khảo

- Phan Quốc Anh (2007). *Văn hóa Raglai những gì còn lại*. Hà Nội, Nxb Văn hóa Dân tộc.
- Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Đốp, Võ Công Nguyên và Nguyễn Văn Huệ (1998). *Văn hóa và xã hội người Raglai ở Việt Nam*. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.
- Nguyễn Trắc Dĩ (1972). *Đồng bào các sắc tộc thiểu số Việt Nam*. Sài Gòn, Bộ Phát triển sắc tộc.
- Dam Bo (1950). *Les Population montagnardes du Sud – Indochinois*. Présentation par René de Berval (numéro spécial de France-Asie). Derain, Lyon.
- Nguyễn Thị Tuyết Hạnh (2019). *Biến đổi kinh tế, xã hội, văn hóa của người Raglai ở Ninh Thuận*. Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt.
- Hải Liên (2011). *Văn hóa gia tộc Raglai góc nhìn từ nghệ nhân*. Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội.
- Sakaya Trương Văn Món (2014). Sự biến đổi văn hóa và tôn giáo của người Raglai ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, 5(131): 107-113.
- Nguyễn Văn Tiệp (2020). *Chính sách dân tộc của chính quyền Việt Nam Cộng hòa và tác động của nó đến vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên (1955-1975)*. Hà Nội, Nxb Tri thức.

- Nguyễn Tuấn Triết (1991). *Người Raglai ở Việt Nam*. Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội.
- Vũ Đình Mười, Đặng Minh Ngọc và Trương Văn Cường (2015). *Biến đổi kinh tế - xã hội của dân tộc Ra-glai 1980-2014*. Đề tài cấp cơ sở, Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Ủy ban dân tộc (2020). *Tổng hợp kết quả điều tra thực trạng Kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. Hà Nội, Nxb Văn hóa Dân tộc.
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (2016). *Kết quả điều tra thực trạng KT-XH 53 dân tộc thiểu số năm 2015*. Truy cập tại: <http://www.cema.gov.vn/ket-qua-dieu-tra-thuc-trang-kt-xh-53-dan-toc-thieu-so-nam-2015.htm>, ngày 04/3/2025.